

# Lesson Overview

## Talking about the management styles



Imagine that you and your colleague are discussing the management style of your manager.

What solutions will you offer to adapt to the style and improve the working dynamic within it?

### Useful language

#### Words and Expressions

#### Meaning

#### Introduction and Description of the style

1	I've been thinking about our boss's management style lately, and it's clear he/she have a [type of management styles] approach.	Gần đây tôi đang suy nghĩ về phong cách quản lý của sếp chúng ta và rõ ràng là anh ấy/cô ấy có cách tiếp cận [loại phong cách quản lý].
2	directing	chỉ đạo
3	discussing	thảo luận
4	delegating	ủy quyền
5	The [type of management styles] style is when [description].	Phong cách [loại phong cách quản lý] là khi [mô tả].
6	our boss tells us exactly what needs to be done, how to do it, and often sets strict deadlines without much room for input from the team	sếp của chúng ta nói với chúng ta chính xác những gì cần phải làm, làm như thế nào và thường đặt ra những thời hạn nghiêm ngặt mà không có nhiều chỗ cho ý kiến đóng góp của nhóm

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
7	our boss engages the team in open conversations, seeks input, and values our perspectives when making decisions	sếp của chúng ta lôi kéo cả nhóm tham gia vào các cuộc trò chuyện cởi mở, tìm kiếm ý kiến đóng góp và đánh giá cao quan điểm của chúng ta khi đưa ra quyết định
8	our boss entrusts us with responsibilities and decision-making within our areas of expertise. He/She often provides guidance but allows us to take ownership of tasks	sếp giao cho chúng ta trách nhiệm và quyền ra quyết định trong lĩnh vực chuyên môn của chúng ta. Anh ấy/Cô ấy thường cung cấp hướng dẫn nhưng cho phép chúng ta nắm quyền quyết định các nhiệm vụ
<b>Providing an Example</b>		
9	Like when [example].	Giống như khi [ví dụ].
10	he told us to halt our current projects and focus solely on the new client's urgent request last week	anh ấy đã bảo chúng ta dừng các dự án hiện tại và chỉ tập trung vào yêu cầu khẩn cấp của khách hàng mới vào tuần trước
11	our boss encouraged everyone to share their thoughts on project milestones and asked for suggestions to improve our workflow during our last project meeting	sếp của chúng ta khuyến khích mọi người chia sẻ suy nghĩ của họ về các cột mốc quan trọng của dự án và yêu cầu đề xuất để cải thiện quy trình làm việc của chúng ta trong cuộc họp dự án gần đây nhất
12	our boss assigned you as the project lead for the upcoming client presentation. He/She provided the project outline but encouraged you to make strategic decisions regarding the content and approach.	sếp của chúng ta đã giao cho bạn làm trưởng dự án cho buổi thuyết trình với khách hàng sắp tới. Anh ấy/ Cô ấy cung cấp bộ khung của dự án nhưng khuyến khích bạn đưa ra các quyết định chiến lược về nội dung và cách tiếp cận.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
<b>Talking about the Benefits &amp; Drawbacks</b>		
13	The benefit of this style is that [benefit].	Lợi ích của phong cách này là [lợi ích].
14	it ensures tasks are completed according to specific guidelines and deadlines, which can be especially helpful for critical or time-sensitive projects	nó đảm bảo các nhiệm vụ được hoàn thành theo hướng dẫn và thời hạn cụ thể, điều này có thể đặc biệt hữu ích cho các dự án quan trọng hoặc nhạy cảm về thời gian
15	it fosters a sense of collaboration and empowers the team. It often leads to more creative solutions and makes team members feel valued	nó nuôi dưỡng ý thức hợp tác và trao quyền cho nhóm. Nó thường dẫn đến những giải pháp sáng tạo hơn và khiến các thành viên trong nhóm cảm thấy được tôn trọng
16	it empowers us to take initiative and make decisions independently, fostering a sense of ownership and accountability. It often leads to a motivated and skilled workforce	nó trao quyền cho chúng ta chủ động và đưa ra quyết định một cách độc lập, nuôi dưỡng ý thức tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Nó thường dẫn đến một đội ngũ có động lực và có tay nghề cao
17	Sometimes, it feels like [drawback 1]. Moreover, [drawback 2].	Đôi khi, có cảm giác như [nhược điểm 1]. Hơn nữa, [nhược điểm 2].
18	we have little room for creativity or input in the decision-making process	chúng ta có rất ít chỗ cho sự sáng tạo hoặc đóng góp ý kiến trong quá trình ra quyết định
19	it can sometimes impede decision-making, particularly in situations where quick choices are necessary	đôi khi nó có thể cản trở việc ra quyết định, đặc biệt trong những tình huống cần phải lựa chọn nhanh chóng

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
20	it also requires effective facilitation to ensure everyone's voices are heard	nó cũng đòi hỏi sự hỗ trợ hiệu quả để đảm bảo tiếng nói của mọi người được lắng nghe
21	without clear guidance, there can be deviations or misunderstandings	nếu không có hướng dẫn rõ ràng thì có thể xảy ra sai lệch hoặc hiểu lầm
22	It might not be appropriate for team members who need more structure and direction, which could cause confusion or a lack of direction for people who benefit from more detailed instructions	Nó có thể không phù hợp với các thành viên trong nhóm cần cấu trúc và định hướng hơn, điều này có thể gây nhầm lẫn hoặc thiếu định hướng cho những thành viên này.
<b>Suggesting Solutions</b>		
23	One approach could be [solution 1]. Additionally, we could [solution 2]. This way could help [effect].	Một cách tiếp cận có thể là [giải pháp 1]. Ngoài ra, chúng ta có thể [giải pháp 2]. Cách này có thể giúp ích [hiệu quả].
24	to proactively seek feedback and opportunities for input	chủ động tìm kiếm phản hồi và cơ hội đóng góp ý kiến
25	share our ideas and suggestions during meetings or in regular updates	chia sẻ ý tưởng và đề xuất của chúng tôi trong các cuộc họp hoặc trong các buổi cập nhật tình trạng công việc
26	strike a balance between the directing style and a more collaborative one, where our boss values our expertise while still providing clear direction	đạt được sự cân bằng giữa phong cách chỉ đạo và phong cách hợp tác hơn, trong đó sếp đánh giá cao kiến thức chuyên môn của chúng ta trong khi vẫn đưa ra định hướng rõ ràng

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
27	to actively participate in discussions and offer ideas and feedback	tích cực tham gia vào các cuộc thảo luận và đưa ra ý tưởng và phản hồi
28	stay focused on key points and respect time limits during meetings	tập trung vào những điểm chính và tôn trọng giới hạn thời gian trong các cuộc họp
29	foster a culture of open communication and collaboration, making the most of the discussing style while maintaining efficiency in our meetings and decision-making processes.	thúc đẩy văn hóa giao tiếp và cộng tác cởi mở, tận dụng tối đa phong cách thảo luận trong khi vẫn duy trì hiệu quả trong các cuộc họp và quá trình ra quyết định của chúng ta
30	to proactively communicate with our boss to clarify expectations and seek feedback when needed	chủ động liên lạc với sếp để làm rõ những kỳ vọng và tìm kiếm phản hồi khi cần thiết
31	we can ensure that our decisions align with the broader objectives of the team and the organization	chúng ta có thể đảm bảo rằng các quyết định của mình phù hợp với các mục tiêu rộng lớn hơn của nhóm và tổ chức
32	strengthen our working relationship with our boss and enhance our understanding of his/her expectations	củng cố mối quan hệ làm việc của chúng ta với sếp và nâng cao sự hiểu biết của chúng ta về những kỳ vọng của anh ấy/ cô ấy
<b>Repeating and emphasizing the point</b>		
33	By [summary of solutions], we can work together more effectively and contribute positively to our team's success.	Bằng [tóm tắt các giải pháp], chúng ta có thể làm việc cùng nhau hiệu quả hơn và đóng góp tích cực vào thành công của nhóm.

# Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
34	having open conversations and demonstrating our capabilities	có những cuộc trò chuyện cởi mở và thể hiện khả năng của chúng tôi
35	participating in discussions, offering ideas and feedback, focusing on key points and respecting time limits during meetings	tham gia thảo luận, đưa ra ý kiến và phản hồi, tập trung vào những điểm chính và tôn trọng giới hạn thời gian trong các cuộc họp
36	demonstrating our capabilities and effective communication	thể hiện khả năng của chúng tôi và giao tiếp hiệu quả